

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 – 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	8 – 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2012	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2012	13 – 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012	15 – 43
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	44

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 166.500.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax : (058) 3 831 034
E-mail : ntsf@dng.vnn.vn
Website : www.nhatrangseafoods
Mã số thuế : 4 2 0 0 5 6 7 4 2 8

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến thủy sản F17	Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F90	Số 01, Phước Long, Bình Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xây dựng, kinh doanh địa ốc;
- Vận tải hàng hóa, hành khách;
- Sản xuất, gia công máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh;
- Lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh;
- Mua bán máy móc thiết bị và vật tư;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Khai thác nước khoáng nóng;
- Khai thác bùn khoáng;
- Sản xuất và kinh doanh nước đá cây.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu do sản lượng bán hàng thủy hải sản giảm mạnh đồng thời giá mua nguyên liệu thủy hải sản đầu vào trong nước tăng lên đi kèm số lượng nguyên liệu đầu vào ngày càng sụt giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 44).

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 25 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2010 và năm 2011	7.941.404.320 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010 và năm 2011	15.882.808.640 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010 và năm 2011	6.286.493.262 VND
- Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 và năm 2011	2.165.000.000 VND
- Chia cổ tức năm 2010 và năm 2011	116.549.972.000 VND
Cộng	148.825.678.222 VND

Ngoài ra, Công ty còn tạm phân phối lợi nhuận và tạm chia cổ tức năm 2012 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 25 tháng 12 năm 2012 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.202.495.218 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.404.990.437 VND
- Tạm chia cổ tức năm 2012	24.974.994.000 VND
Cộng	28.582.479.655 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007
Bà Nguyễn Thùy Liễu	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	27 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007
Bà Phạm Ngọc Thảo	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	01 tháng 4 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

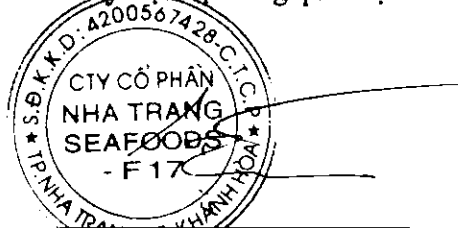
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ngô Văn Ich

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 21 tháng 5 năm 2013



Số: 092/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2012

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013, từ trang 08 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 là cổ đông sáng lập đăng ký sở hữu 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 đã góp 10.500.000.000 VND bằng giá trị tài sản trên đất tại số 777, Đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động từ năm 2010. Báo cáo tài chính của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty này.

Kiểm toán viên chưa được tiếp cận với các số liệu tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin cũng như các tài liệu khác liên quan đến việc giải thể Công ty này nên không có cơ sở để xem xét đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 (*xem thuyết minh V.14 và VIII.8*).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng do giới hạn nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh tại Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0979KTV

TP. Nha Trang, ngày 21 tháng 5 năm 2013

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1513/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		582.188.828.464	272.167.384.368
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	155.659.064.137	107.484.317.632
1. Tiền	111		14.659.064.137	44.484.317.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		141.000.000.000	63.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		375.856.158.900	99.590.083.294
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	66.094.259.228	95.952.977.675
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	221.708.731.730	4.224.200.680
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	89.448.254.078	807.991.075
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.395.086.136)	(1.395.086.136)
IV. Hàng tồn kho	140		39.395.436.473	54.572.410.033
1. Hàng tồn kho	141	V.6	39.395.436.473	54.572.410.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.278.168.954	10.520.573.409
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	387.403.922	531.345.961
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.188.736.970	8.451.561.284
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	3.547.945.791	22.673.073
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	3.154.082.271	1.514.993.091

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		235.429.917.752	268.095.312.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165.780.000	282.980.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	165.780.000	282.980.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100.534.071.690	103.318.716.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	85.260.809.732	90.187.716.448
<i>Nguyên giá</i>	222		171.584.902.386	166.283.177.306
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(86.324.092.654)	(76.095.460.858)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.819.062.543	7.814.395.876
<i>Nguyên giá</i>	228		7.995.595.876	7.980.395.876
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(176.533.333)	(166.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	7.454.199.415	5.316.603.891
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		133.921.890.000	163.543.540.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	123.165.930.000	152.787.580.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	255.960.000	255.960.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		808.176.062	950.075.985
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	808.176.062	950.075.985
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		817.618.746.216	540.262.696.568

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		576.108.096.316	244.350.942.900
I. Nợ ngắn hạn	310		575.722.996.316	243.773.292.900
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	527.217.095.761	185.726.283.469
2. Phải trả người bán	312	V.19	19.601.533.829	25.222.604.717
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	19.654.578	514.243.137
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	400.920.662	6.435.827.783
5. Phải trả người lao động	315	V.22	10.218.936.337	5.895.537.674
6. Chi phí phải trả	316	V.23	4.735.416.206	9.123.507.850
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	1.454.312.720	1.518.272.357
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	12.075.126.223	9.337.015.913
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		385.100.000	577.650.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	385.100.000	577.650.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		241.510.649.900	295.911.753.668
I. Vốn chủ sở hữu	410		241.510.649.900	295.911.753.668
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	166.499.960.000	166.499.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	21.988.540.002	3.700.740.925
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	17.468.899.538	8.325.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	35.553.250.360	117.386.052.743
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		817.618.746.216	540.262.696.568

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

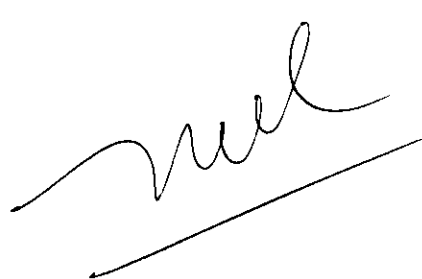
Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

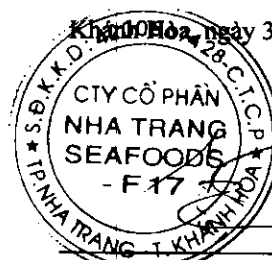
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.964.637.579	1.964.637.579
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		456.240,53	2.003.733,71
Euro (EUR)		341,33	441,08
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiểm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	873.151.309.561	1.527.589.301.985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.096.200.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	873.151.309.561	1.526.493.101.985
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	759.732.901.742	1.315.454.292.009
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.418.407.819	211.038.809.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	72.606.021.022	36.940.850.795
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.865.194.703	28.504.992.254
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.271.706.738	22.449.885.754
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	53.659.039.526	72.192.348.199
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	21.431.291.665	27.085.324.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.068.902.947	120.196.995.378
11. Thu nhập khác	31	VI.7	251.829.539	1.147.379.032
12. Chi phí khác	32	VI.8	370.226.138	2.604.012.694
13. Lợi nhuận khác	40		(118.396.599)	(1.456.633.662)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100.950.506.348	118.740.361.716
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	5.375.150.854	12.114.635.294
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>95.575.355.494</u>	<u>106.625.726.422</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiểm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		100.950.506.348	118.740.361.716
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	10.239.165.129	9.523.235.354
- Các khoản dự phòng	03		-	1.246.176.906
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(458.852.346)	(200.314.112)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(70.020.315.308)	(21.386.369.320)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.271.706.738	22.449.885.754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.982.210.561	130.372.976.298
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(212.020.946.609)	(48.505.626.653)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.176.973.560	(23.525.231.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.756.969.623)	13.510.814.930
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		285.841.962	(802.191.101)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(8.966.147.839)	(22.881.919.751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(15.065.416.904)	(6.692.265.495)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		49.461.387	10.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.317.215.532)	(1.255.700.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(178.632.209.037)	40.230.855.851
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.180.103.004)	(16.197.459.293)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	753.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14 (d)	-	(40.646.960.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.14 (d)	29.621.650.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	3.940.719.307	7.163.606.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.382.266.303	(48.927.267.520)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

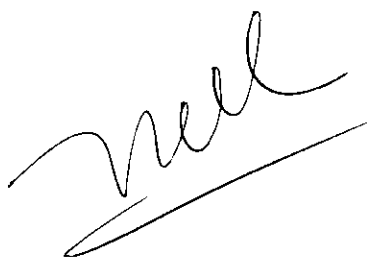
Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

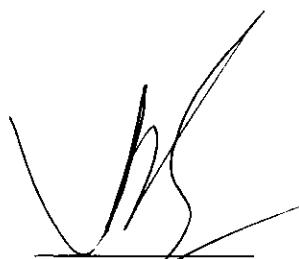
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.036.235.612.954	1.274.299.615.495
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(694.282.575.263)	(1.247.261.955.340)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(141.524.966.000)	(41.624.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		200.428.071.691	(14.587.329.845)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.178.128.957	(23.283.741.514)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	107.484.317.632	131.161.789.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.382.452)	(393.730.003)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	155.659.064.137	107.484.317.632



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 909 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 985 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu do sản lượng bán hàng thủy hải sản giảm mạnh đồng thời giá mua nguyên liệu thủy hải sản đầu vào trong nước tăng lên đi kèm số lượng nguyên liệu đầu vào ngày càng sụt giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và thực hiện việc ghi sổ trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí đi dời, chi phí lập dự án,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty		
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%	

Tỷ lệ trích lập các quỹ còn được phê duyệt trong các Quyết định hợp của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.967.377.139	1.317.277.029
Tiền gửi ngân hàng	9.691.686.998	43.167.040.603
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	141.000.000.000	63.000.000.000
Cộng	155.659.064.137	107.484.317.632

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu do bán hàng thủy sản xuất khẩu	62.052.165.879	95.200.517.671
- Công ty Shun Fat Enterprise	31.783.361.376	29.423.749.758
- Công ty Global Maharaja Pte. Ltd	-	35.137.429.598
- Công ty Crustrade Pte Ltd	-	16.822.254.900
- Công ty Millennium Marine Products Co.,LTD	6.959.835.742	1.603.406.090
- Công ty Seafood Connection B.V	5.728.201.955	-
- Công ty Boram Corporation Co.,ltd	3.621.761.134	2.471.871.206
- Công ty Jaeho Product Co.,Ltd	2.908.630.200	-
- Công ty Sunny Seafoods, Inc.	2.730.550.800	-
- Công ty Jh Brain Gmbh	2.124.456.000	-
- Các khách hàng khác	6.195.368.672	9.741.806.119
Phải thu do bán hàng thủy sản bán nội địa	3.791.772.809	560.002.504
Phải thu khách hàng tại nhà hàng	250.320.540	192.457.500
Cộng	66.094.259.228	95.952.977.675

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua nguyên liệu thủy sản cho người nuôi	219.895.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	-	2.990.993.850
Liên Đoàn Địa Chất Thủy Văn Miền Trung	550.000.000	550.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	914.981.000	-
Các nhà cung cấp khác	348.750.730	683.206.830
Cộng	221.708.731.730	4.224.200.680

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức còn phải thu	65.992.846.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	43.890.607.000	-
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89	12.038.737.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	10.063.502.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF – chi hộ	22.450.000.000	-
Thanh toán BHXH Khánh Hòa	171.456.267	130.486.898
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	144.408.000	144.408.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	598.527.778	511.777.777
Các khoản phải thu khác	91.016.033	21.318.400
Cộng	89.448.254.078	807.991.075

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.395.086.136	142.424.230
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.252.661.906
Số cuối năm	1.395.086.136	1.395.086.136

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.851.164.406	5.683.716.331
Công cụ, dụng cụ	245.403.276	265.517.305
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.680.932.101	-
Thành phẩm	32.404.301.211	48.447.957.166
Hàng hóa	213.635.479	175.219.231
Cộng	39.395.436.473	54.572.410.033

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	387.403.922	503.662.628
Chi phí sửa chữa	-	27.683.333
Cộng	387.403.922	531.345.961

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.547.945.791	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.673.073
Cộng	3.547.945.791	22.673.073

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3.154.082.271	1.480.056.771
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	34.936.320
Cộng	3.154.082.271	1.514.993.091

10. Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền bán cổ phiếu trả chậm phải thu người lao động nghèo.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	43.501.315.687	107.530.895.889	14.212.520.196	1.038.445.534	166.283.177.306
Mua trong năm	-	4.753.029.082	-	284.839.545	5.037.868.627
Đầu tư xây dựng hoàn thành	53.856.453	210.000.000	-	-	263.856.453
Số cuối năm	43.555.172.140	112.493.924.971	14.212.520.196	1.323.285.079	171.584.902.386
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	2.421.100.419	28.461.590.385	889.724.447	882.374.262	32.654.789.513
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.187.965.483	58.678.833.035	4.332.514.120	896.148.220	76.095.460.858
Khấu hao trong năm	1.785.072.451	6.991.078.285	1.318.098.816	134.382.244	10.228.631.796
Số cuối năm	13.973.037.934	65.669.911.320	5.650.612.936	1.030.530.464	86.324.092.654
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.313.350.204	48.852.062.854	9.880.006.076	142.297.314	90.187.716.448
Số cuối năm	29.582.134.206	46.824.013.651	8.561.907.260	292.754.615	85.260.809.732
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.798.395.876	182.000.000	7.980.395.876
Tăng trong năm	-	15.200.000	15.200.000
Số cuối năm	7.798.395.876	197.200.000	7.995.595.876
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	142.000.000	142.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	166.000.000	166.000.000
Khấu hao trong năm	-	10.533.333	10.533.333
Số cuối năm	-	176.533.333	176.533.333
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	16.000.000	7.814.395.876
Số cuối năm	7.798.395.876	20.666.667	7.819.062.543

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang	5.316.603.891	2.401.451.977	(263.856.453)	7.454.199.415
- Dự án suối khoáng nóng Hòn Thơm	4.875.487.109	72.198.182	-	4.947.685.291
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy F17	-	2.065.397.342	-	2.065.397.342
- Dự án suối khoáng nóng Khánh Vĩnh	231.467.600	-	-	231.467.600
- Công viên bờ biển	201.554.182	-	-	201.554.182
- Mỏ khoáng Ninh Hòa	8.095.000	-	-	8.095.000
- Kho chứa rỏ nhà máy F90	-	53.856.453	(53.856.453)	-
- Bảng chuyển IQF lưới 750 kg/giờ	-	190.000.000	(190.000.000)	-
- Dàn ngưng tụ cường bức 500 KW	-	20.000.000	(20.000.000)	-
Cộng	5.316.603.891	2.401.451.977	(263.856.453)	7.454.199.415

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ^(a)	1.677.631	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ^(b)	8.040.488	72.094.580.000	7.209.458	72.094.580.000
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 ^(c)	2.178.000	19.800.000.000	1.980.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(d)	1.627.135	16.271.350.000	4.589.300	45.893.000.000
Cộng		123.165.930.000		152.787.580.000

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000067 ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 15.000.000.000 VND, tương đương 98,68% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty Cổ phần Thủy sản NT phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu nên số lượng cổ phiếu của Công ty đầu tư tăng thêm 177.631 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết. Công ty dùng toàn bộ số cổ phần này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF 72.094.580.000 VND, tương đương 36,55% vốn điều lệ. Trong năm Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu nên số lượng cổ phiếu của Công ty tăng thêm 831.030 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty đã đầu tư đủ vốn điều lệ theo cam kết. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 33,45% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Công ty dùng toàn bộ số cổ phần này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6003000044 ngày 06 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 là 19.800.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty Cổ phần Thủy sản NT phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu nên số lượng cổ phiếu của Công ty đầu tư tăng thêm 198.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4201112127 ngày 10 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 88.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 16.271.350.000 VND, tương đương 18,49% vốn điều lệ và chiếm 21,66% vốn thực tế đã góp, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 74,21% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

16. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Số cuối năm là 20.967 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 255.960.000 VND (số đầu năm là 16.179 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 255.960.000 VND). Số lượng cổ phiếu tăng là do trong năm Công ty được nhận cổ phiếu thưởng.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	698.578.604	589.785.455	(561.480.465)	726.883.594
Chi phí bảo hiểm	34.922.848	72.864.987	(105.848.468)	1.939.367
Chi phí khác	216.574.533	-	(137.221.432)	79.353.101
Cộng	950.075.985	662.650.442	(804.550.365)	808.176.062

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	491.185.867.761	185.726.283.469
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	186.992.677.825	132.011.341.580
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	238.188.841.376	41.807.925.889
- Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	66.004.348.560	11.907.016.000
Vay ngắn hạn cá nhân ^(iv)	36.031.228.000	-
Cộng	527.217.095.761	185.726.283.469

- (i) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Phân xưởng 99 Trần Quý Cáp - Phương Sài, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay là 3%/năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.
- (iv) Khoản vay của một số cá nhân mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay không quá 150% lãi suất Ngân hàng Nhà Nước công bố, thời hạn vay dưới 01 năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay cá nhân	Cộng
Số đầu năm	185.726.283.469	-	185.726.283.469
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.000.204.384.954	36.031.228.000	1.036.235.612.954
Số tiền vay đã trả trong năm	(694.282.575.263)	-	(694.282.575.263)
Đánh giá lại số dư cuối năm	(462.225.399)	-	(462.225.399)
Số cuối năm	491.185.867.761	36.031.228.000	527.217.095.761

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	9.746.526.065	13.109.200.515
Công ty Cổ phần du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	444.408.000	-
Công Ty TNHH Hải Nam	412.152.400	2.160.384.050
Công ty Cổ Phần Thủy sản NT	1.406.777.911	3.306.741.819
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	809.035.490	1.856.282.097
Phạm Thị Hằng	1.110.610.086	-
Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	594.113.936	376.519.273
Các nhà cung cấp khác	5.077.909.941	4.413.476.963
Cộng	19.601.533.829	25.222.604.717

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Nowaco Lietuva	8.914.384	8.914.384
Công ty TNHH xây dựng & hải sản An Toàn	-	503.245.953
Các khách hàng khác	10.740.194	2.082.800
Cộng	19.654.578	514.243.137

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	424.593.796	(424.593.796)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	189.163.652	(189.163.652)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.142.320.259	5.375.150.854	(15.065.416.904)	(3.547.945.791)
Thuế thu nhập cá nhân	(22.673.073)	1.297.316.171	(1.167.229.960)	107.413.138
Thuế tài nguyên	-	15.868.530	(15.868.530)	-
Tiền thuê đất	-	609.150.855	(609.150.855)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	293.507.524	-	-	293.507.524
Cộng	6.413.154.710	7.916.243.858	(17.476.423.697)	(3.147.025.129)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới do cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.
- Sản phẩm của Công ty có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

Với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Thuế suất áp dụng:
 - + Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm kể từ khi chuyển sang hoạt động với loại hình Công ty cổ phần từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- + Thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.
- Miễn thuế: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với tất cả các khoản thu nhập.
- Giảm thuế: Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với các khoản thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi.

Năm 2012 là năm thứ chín Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và hết thời hạn được giảm thuế 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công, chế biến thủy sản do có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2012 trên 300 người theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.950.506.348	118.740.361.716
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(66.491.811.253)	(13.121.215.066)
- Các khoản điều chỉnh tăng	368.089.549	1.496.329.489
- Các khoản điều chỉnh giảm	(66.859.900.802)	(14.617.544.555)
Thu nhập tính thuế	34.458.695.095	105.619.146.650
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.614.673.774	26.404.786.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.693.530.415)	(5.220.279.269)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 20% từ thu nhập hoạt động xuất khẩu	-	(4.007.909.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	6.921.143.359	17.176.597.426
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	(2.032.236.498)	(5.061.962.132)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	486.243.993	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.375.150.854	12.114.635.294

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 4.000 VND/m³ với mức thuế suất 3%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm. Chi tiết tiền lương còn phải trả cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	3.028.994.053	1.763.065.745
Nhà máy F17	4.490.426.808	2.642.243.690
Nhà máy F90	2.381.484.561	1.344.221.509
Nhà hàng Nha Trang Seafood	318.030.915	146.006.730
Cộng	<u>10.218.936.337</u>	<u>5.895.537.674</u>

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vụ kiện tôm (xem thuyết minh số VII.6)	2.686.812.000	5.227.000.000
Chi phí lãi vay	641.632.575	336.073.676
Chi phí điện nước, vận chuyển, hoa hồng ...	1.406.971.631	3.560.434.174
Cộng	<u>4.735.416.206</u>	<u>9.123.507.850</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	791.052.165	823.416.147
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	220.283.475
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	441.888.093	441.888.093
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	-	27.734.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.088.987	4.950.000
Cộng	<u>1.454.312.720</u>	<u>1.518.272.357</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	8.902.013.012	4.698.212.398	(2.128.670.000)	11.471.555.410
Quỹ phúc lợi	435.002.901	1.588.280.864	(1.419.712.952)	603.570.813
Cộng	<u>9.337.015.913</u>	<u>6.286.493.262</u>	<u>(3.548.382.952)</u>	<u>12.075.126.223</u>

26. Phải trả dài hạn khác

Phải trả cho Nhà nước – khoản tiền mua cổ phiếu hộ nghèo chậm trả.

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	116.549.972.000	41.624.990.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	24.974.994.000	-
Cộng	141.524.966.000	41.624.990.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.649.996	16.649.996
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.649.996	16.649.996
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.649.996	16.649.996

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	873.151.309.561	1.527.589.301.985
- Doanh thu hàng thủy sản	858.249.736.518	1.510.049.935.485
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng	11.603.232.220	10.592.078.091
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, vật tư	774.217.504	2.212.991.842
- Doanh thu hoạt động khác	2.524.123.319	4.734.296.567
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(1.096.200.000)
- Hàng bán bị trả lại	-	(1.096.200.000)
Doanh thu thuần	873.151.309.561	1.526.493.101.985
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần hàng thủy sản	858.249.736.518	1.508.953.735.485
- Doanh thu thuần dịch vụ nhà hàng	11.603.232.220	10.592.078.091
- Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, vật tư	774.217.504	2.212.991.842
- Doanh thu thuần hoạt động khác	2.524.123.319	4.734.296.567

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng thủy sản	750.547.851.778	1.301.863.276.172
Giá vốn của dịch vụ nhà hàng	7.132.290.459	7.159.364.215
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	398.119.050	1.951.917.152
Giá vốn của hoạt động khác	1.654.640.455	4.479.734.470
Cộng	759.732.901.742	1.315.454.292.009

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.027.469.308	7.539.222.494
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	104.478.505	121.725.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.992.846.000	13.612.741.601
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.018.533.979	15.466.847.062
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	462.693.230	200.314.112
Cộng	72.606.021.022	36.940.850.795

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.271.706.738	22.449.885.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	589.647.081	6.055.106.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.840.884	-
Cộng	9.865.194.703	28.504.992.254

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.116.580.211	5.647.775.700
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	783.088.495	257.076.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.233.744.594	1.314.130.919
Phí ngân hàng	1.584.814.319	3.093.939.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.553.417.814	50.091.393.888
Chi phí bằng tiền khác	8.387.394.093	11.788.031.577
Cộng	53.659.039.526	72.192.348.199

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.315.947.422	6.802.246.319
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	640.389.669	114.405.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.384.756.043	877.640.481
Thuế, phí và lệ phí	355.917.191	501.311.206
Chi phí dự phòng	816.157.000	2.374.274.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.681.688	350.422.637
Chi phí bằng tiền khác	9.718.442.652	16.065.024.263
Cộng	21.431.291.665	27.085.324.940

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	-	753.545.455
Hoàn nhập chi phí hoa hồng trích trước	182.691.016	-
Chênh lệch công nợ	-	232.658.351
Các khoản thu nhập khác	69.138.523	161.175.226
Cộng	251.829.539	1.147.379.032

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	519.140.230
Thuế bị phạt bị truy thu	363.983.633	2.051.026.625
Chi phí khác	6.242.505	33.845.839
Cộng	370.226.138	2.604.012.694

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	581.259.799.770	1.129.391.911.282
Chi phí nhân công	71.532.385.706	71.022.748.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.239.165.129	9.523.235.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.400.263.321	62.043.502.050
Chi phí khác	28.330.987.296	43.075.197.963
Cộng	731.762.601.222	1.315.056.595.249

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		
Tiền lương và tiền thưởng	1.983.023.000	1.903.441.110
Thù lao Hội đồng quản trị	2.135.000.000	4.845.365

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>		
- Mua hàng nội địa	8.708.333.305	5.613.015.709
- Tạm ứng tiền hàng	-	8.410.000.000
- Ủy thác xuất khẩu	405.921.058	421.200.000
- Doanh thu vận chuyển, thuê CTN ủy thác xuất khẩu, phí ủy thác xuất khẩu	23.886.424	5.652.606
- Hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.548.926.290	-
- Cấn trừ công nợ	3.388.627.470	-
- Tiền cổ tức được chia	10.063.502.000	-
- Phí ủy thác xuất khẩu	14.806.762	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>		
- Chi tạm ứng tiền hàng	47.800.000.000	86.089.100.000
- Tiền cổ tức được chia	43.890.607.000	-
- Góp vốn bằng tiền	-	13.594.580.000
- Mua sắm tài sản cố định	-	1.200.000.000
- F17 bán tài sản	-	135.000.000
- Mua dụng cụ, trang bị nhà ở	-	25.000.000
- Doanh thu bán hàng, bán vật tư	2.977.471	63.110.453
- Mua thành phẩm	-	4.666.170.400
- Mua nguyên vật liệu	3.900.000	-
- Doanh thu vận chuyển	6.090.909	-
- Mua phế liệu	30.171.429	-
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89</i>		
- Ứng tiền hàng ủy thác	13.354.257.040	22.350.000.000
- Nhập mua thành phẩm	70.197.793.546	97.022.996.437
- Hàng ủy thác xuất khẩu	19.036.001.785	21.070.280.842
- Tiền cổ tức được chia	12.038.736.000	-
- Bán thùng cách nhiệt	-	54.079.634
- Phí thuê vận chuyển, ủy thác xuất khẩu	514.744.011	423.967.698
- Doanh thu vận chuyển	53.181.816	164.909.091
- Cung cấp lắp đặt thiết bị	-	1.402.000.000
- Cấn trừ công nợ	58.499.998	1.783.087.597
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17</i>		
- Góp vốn điều lệ	-	40.620.000.000
- Doanh thu bán hàng, ăn uống tại nhà hàng	12.204.092	24.087.544
- Doanh thu bán vật tư, nước đá, vận chuyển	19.618.909	6.956.364
- F17 rút vốn đầu tư	29.621.650.000	-
- F17 cho mượn tiền	70.790.000.000	-
- F17 sử dụng dịch vụ bùn khoáng và tiếp khách	404.007.273	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngoài ra, trong năm Công ty Cổ phần Thủy sản NT phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu nên số lượng cổ phiếu của Công ty đầu tư tăng thêm 177.631 cổ phiếu. Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu nên số lượng cổ phiếu của Công ty tăng thêm 831.030 cổ phiếu. Công ty Cổ phần Thủy sản NT phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu nên số lượng cổ phiếu của Công ty đầu tư tăng thêm 198.000 cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	10.063.502.000	2.990.993.850
- F17 ứng trước tiền hàng	-	2.990.993.850
- Phải thu tiền cổ tức được chia (xem thuyết minh số V.4).	10.063.502.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	66.376.673.818	32.791.600
- Phải thu tiền xuất bán vật tư, cước vận chuyển	36.066.818	32.791.600
- Phải thu chi hộ tiền hàng	22.450.000.000	-
- Phải thu tiền cổ tức được chia (xem thuyết minh số V.4)	43.890.607.000	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89	12.038.737.000	-
- Phải thu tiền cổ tức được chia (xem thuyết minh số V.4)	12.038.737.000	-
Công ty Cổ phần du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	27.173.800	1.231.000
- Phải thu tiền bán vật tư, vận chuyển	20.096.800	-
- Phải thu tiền ăn uống tại nhà hàng	7.077.000	433.000
- Phải thu khác (tiền hàng)	-	798.000
Cộng nợ phải thu	88.506.086.618	3.025.016.450
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	1.406.777.911	3.306.741.819
- Phải trả tiền mua hàng, nhận ủy thác xuất khẩu (xem thuyết minh số V.19)	1.406.777.911	3.306.741.819
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89	9.746.526.065	13.109.200.515
- Phải trả tiền mua hàng, phí ủy thác (xem thuyết minh số V.19)	9.746.526.065	13.109.200.515
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	4.290.000	-
- Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	4.290.000	-
Công ty Cổ phần du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	444.408.000	-
Phải trả tiền sử dụng dịch vụ bùn khoáng và tiếp khách (xem thuyết minh số V.19)	444.408.000	-
Cộng nợ phải trả	11.602.001.976	16.415.942.334

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất/kinh doanh sản phẩm thủy hải sản và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ nước Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.659.064.137	-	-	155.659.064.137
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	255.960.000	-	-	255.960.000
Phải thu khách hàng	64.284.029.583	20.712.636	1.789.517.009	66.094.259.228
Các khoản phải thu khác	91.607.653.778	994.682.571	-	92.602.336.349
Cộng	311.806.707.498	1.015.395.207	1.789.517.009	314.611.619.714

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	USD	EUR	USD	EUR	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	456.240,53	341,33	2.003.733,71	441,08	-
Phải thu khách hàng	3.277.325,30	-	4.513.233,18	-	-
Vay và nợ	(23.582.958,89)	-	(8.337.779,31)	-	(4.426.400)
Phải trả người bán	(320.684,31)	-	(151.998,85)	-	-
Các khoản phải trả khác	(129.000,00)	-	(265.502,62)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(20.299.077,37)	341,33	(2.238.313,89)	441,08	(4.426.400)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 8.455.783.669 VND (năm/cùng kỳ năm trước giảm/tăng 932.392.034 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay tăng/giảm so với năm trước do số dư nợ vay gốc USD tăng mạnh so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, VND và HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(36.031.228.000)	(23.582.958,89)	(160.000.000)	(8.337.779,31)
(Nợ phải trả) thuần	(36.031.228.000)	(23.582.958,89)	(160.000.000)	(8.337.779,31)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 720.624.560 VND (cùng năm trước giảm/tăng 3.200.000 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì số dư nợ vay bằng VND tăng lên đáng kể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.911.858.678 VND (cùng năm trước giảm/tăng 1.736.592.675 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì số dư nợ vay bằng USD tăng lên đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	150.691.686.998	106.167.040.603
Phải thu khách hàng	66.094.259.228	95.952.977.675
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255.960.000	255.960.000
Cộng	217.041.906.226	202.375.978.278

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.659.064.137	-	107.484.317.632	-	155.659.064.137	107.484.317.632
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	255.960.000	-	255.960.000	-	255.960.000	255.960.000
Phải thu khách hàng	66.094.259.228	(1.252.661.906)	95.952.977.675	(1.252.661.906)	64.841.597.322	94.700.315.769
Các khoản phải thu khác	92.602.336.349	-	2.322.984.166	-	92.602.336.349	2.322.984.166
Cộng	314.611.619.714	(1.252.661.906)	206.016.239.473	(1.252.661.906)	313.358.957.808	204.763.577.567

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	527.858.728.336	186.062.357.145	527.858.728.336	186.062.357.145
Phải trả người bán	19.157.125.829	25.222.604.717	19.157.125.829	25.222.604.717
Các khoản phải trả khác	16.151.141.363	16.778.894.205	16.151.141.363	16.778.894.205
Cộng	563.166.995.528	228.063.856.067	563.166.995.528	228.063.856.067

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Thông tin khác

- Công ty đã bị kiện chống bán phá giá hàng thủy sản tại thị trường Mỹ. Công ty cũng đã thuê các luật sư tại Mỹ để bảo vệ quyền lợi Công ty trong việc giải trình các hồ sơ cho cơ quan kiểm tra Lệnh chống bán phá giá tôm nước ấm đông lạnh từ Việt Nam sang Mỹ. Trong năm, Công ty đã trích trước phí phải trả luật sư theo hợp đồng ký ngày 18 tháng 5 năm 2012 với bên Thompson Hine LLP. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này nhưng luật sư của Công ty cho rằng khả năng Công ty bị thua kiện là rất thấp.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể phải gánh chịu một phần lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư theo tỷ lệ vốn điều lệ cam kết.



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Phiến Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiêm Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.484.317.632	-	-	107.484.317.632
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	255.960.000	-	-	255.960.000
Phải thu khách hàng	94.156.533.030	6.927.636	1.789.517.009	95.952.977.675
Các khoản phải thu khác	2.178.576.166	144.408.000		2.322.984.166
Cộng	204.075.386.828	151.335.636	1.789.517.009	206.016.239.473

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	527.858.728.336	-	527.858.728.336
Phải trả người bán	19.157.125.829	-	19.157.125.829
Các khoản phải trả khác	15.766.041.363	385.100.000	16.151.141.363
Cộng	562.781.895.528	385.100.000	563.166.995.528
Số đầu năm			
Vay và nợ	186.062.357.145	-	186.062.357.145
Phải trả người bán	25.222.604.717	-	25.222.604.717
Các khoản phải trả khác	16.201.244.205	577.650.000	16.778.894.205
Cộng	227.486.206.067	577.650.000	228.063.856.067

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

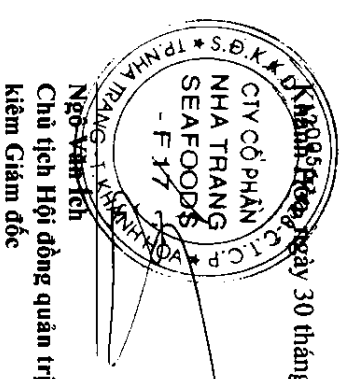
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	166.499.960.000	-	3.700.740.925	8.325.000.000	52.390.161.686	230.915.862.611
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	106.625.726.422	106.625.726.422
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(41.624.990.000)	(41.624.990.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(4.845.365)	(4.845.365)
Số dư cuối năm trước	166.499.960.000	-	3.700.740.925	8.325.000.000	117.386.052.743	295.911.753.668
Số dư đầu năm nay	166.499.960.000	-	3.700.740.925	8.325.000.000	117.386.052.743	295.911.753.668
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	95.575.355.494	95.575.355.494
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	15.882.808.640	7.941.404.320	(23.824.212.960)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	2.404.990.437	1.202.495.218	(3.607.485.655)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.286.493.262)	(6.286.493.262)
Chia cổ tức các năm trước	-	-	-	-	(116.549.972.000)	(116.549.972.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(24.974.994.000)	(24.974.994.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.165.000.000)	(2.165.000.000)
Số dư cuối năm nay	166.499.960.000	-	21.988.540.002	17.468.899.538	35.553.250.360	241.510.649.900

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Dân Tiến
 Người lập biểu

Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng



Ngô Văn Tịch
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 kiêm Giám đốc